

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: SỞ XÂY DỰNG

Chương: 419

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày tháng 01 năm 2022 của Sở Xây dựng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	766,000,000
1.1	Lệ phí	86,000,000
	- Lệ phí cấp phép xây dựng	3,000,000
	- Lệ phí thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy	9,000,000
	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng và thiết kế CTXD	74,000,000
1.2	Phí	680,000,000
	- Phí thẩm định thiết kế	680,000,000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	766,000,000
3.1	Lệ phí	86,000,000
	- Lệ phí cấp phép xây dựng	3,000,000
	- Lệ phí thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy	9,000,000
	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng và thiết kế CTXD	74,000,000
3.2	Phí	680,000,000
	- Phí thẩm định (Dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng,...)	680,000,000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6,600,000,000
1	Chi quản lý hành chính	6,600,000,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5,275,000,000
1.1.1	Chi thanh toán cá nhân	3,344,000,000
1.1.2	Chi tiền công theo HĐ 68	713,000,000
1.1.3	Chi nghiệp vụ - chuyên môn	1,096,000,000
1.1.4	Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên (dùng làm CCTL và chính sách an sinh xã hội)	122,000,000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1,325,000,000
1.2.1	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	108,000,000

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
1.2.2	KP cho CBCC làm đầu mối KS thủ tục hành chính.	16,000,000
1.2.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn (lập chỉ số giá XD công trình)	135,000,000
1.2.4	Chi khác (Đối nội, đối ngoại)	72,000,000
1.2.5	Kinh phí hoạt động tổ chức Đảng	47,000,000
1.2.6	Kinh phí văn bản quy phạm pháp luật	39,000,000
1.2.7	Chi phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí	180,000,000
1.2.8	Kinh phí quản lý chất lượng (ISO)	10,000,000
1.2.9	BCĐ cấp nước an toàn, chống thất thu nước sạch	18,000,000
1.2.10	BCĐ chính sách nhà ở và thị trường Bất động sản	18,000,000
1.2.11	KP thực hiện đơn giá xây dựng công trình, đơn giá nhân công xây dựng, Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	225,000,000
1.2.12	Kinh phí Tư vấn lập Bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Tây ninh	90,000,000
1.2.13	Kinh phí hoạt động thanh tra (phát hiện, thu hồi)	90,000,000
1.2.14	Kinh phí chi hoạt động xử phạt hành chính:	126,000,000
1.2.15	Kinh phí trang phục thanh tra	40,000,000
1.2.16	Kinh phí xử lý khiếu nại tố cáo	5,000,000
1.2.17	Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên (dùng làm CCTL và chính sách an sinh xã hội)	106,000,000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
11.2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	